

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2021
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Đô**;
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Trần Văn Bé Hai**;
Ông **Phạm Phước Tâm**;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lâm Mỹ H1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H2 (L)**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2020; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 05/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lâm Mỹ H1 trình bày:

- Về hôn nH2: Chị H1 và anh H2 tổ chức đám cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh ngày 27/5/2009. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây anh H2 không

chăm lo làm ăn, thường xuyên chơi đánh bài, không quan tâm đến gia đình và chăm lo cho con. Chị H1 và gia đình khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H2 không thay đổi. Vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Năm 2018, chị H1 đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H2 tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Tại buổi hòa giải chị H1 đã rút đơn, cho anh H2 cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không thành. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị H1 yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H2.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/12/2007, hiện con chung đang sống chung với chị H1. Khi ly hôn chị H1 yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H2 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H2 thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn như chị H1 trình bày. Trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, anh thường xuyên không quan tâm chăm sóc vợ con là đúng. Nay anh H2 vẫn còn thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/12/2007, hiện con chung đang sống chung với chị H1. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh H2 đồng ý giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Ngọc H2 – Lâm Mỹ H1, ngày đăng ký 27/5/2009, do UBND xã B, huyện Cao Lãnh cấp (Bản chính);

2. Giấy khai sinh Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/12/2007 (Bản sao);

3. Đơn xác nhận nơi cư trú, đề ngày 12/8/2020 có xác nhận của Công an xã B, huyện Cao Lãnh ngày 12/8/2020.

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đã được các đương sự biết và thống nhất là đúng. Không có ý kiến gì đối với tài liệu Tòa án thu thập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Lâm Mỹ H1 có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”.

[2]. Về thẩm quyền, xét thấy: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H2 đang cư trú tại Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3]. Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh ngày 27/5/2009. Xét thấy hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 là hợp pháp; chị H1 yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, mâu thuẫn giữa chị H1 và anh H2 đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau. Anh H2 cho rằng vẫn còn thương vợ và con, muốn hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Năm 2018, chị H1 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng đã rút đơn để anh H2 thay đổi và đoàn tụ. Từ thời gian đó cho tới phiên tòa hôm nay anh H2 không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Mỹ H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/12/2007, hiện con chung đang sống chung với chị H1. Khi ly hôn chị H1 yêu cầu được nuôi con chung. Anh H2 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H1, nếu ly hôn thì đồng ý giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị H1 cho rằng có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con chung. Đồng thời, căn cứ vào bản tự khai thì cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị H1, hiện đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Chị Lâm Mỹ H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/12/2007. Anh Nguyễn Ngọc H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị H1 và anh H2 thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị H1 và anh H2 thống nhất không có nợ chung.

[4]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị H1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H1 đã nộp theo Biên lai số 0004423 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lâm Mỹ H1.

Về hôn nhân: Chị Lâm Mỹ H1 được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H2.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 thỏa thuận như sau:

Chị Lâm Mỹ H1 được nuôi con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/12/2007. Anh Nguyễn Ngọc H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H1 không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Ngọc H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

Chị H1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H1 đã nộp theo Biên lai số 0004423 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Đô